

## PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

**Hoàng Lan Chi<sup>1</sup>, Hoàng Xuân Long**  
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

---

### **Tóm tắt:**

*Đổi mới sáng tạo (ĐMST) đang thu hút sự chú ý trên thế giới và tại Việt Nam. Để phát triển ĐMST ở Việt Nam cần phân tích nhu cầu trong nước, xác định mối quan hệ ĐMST với doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia, nhận dạng những điểm hướng tới của ĐMST và nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung giải quyết, xác lập các biện pháp thúc đẩy ĐMST của nhà nước. Đó cũng là những vấn đề cần trao đổi để có sự nhận thức thêm về ĐMST ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** *Đổi mới sáng tạo; Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; Tri thức.*

**Mã số:** 23050401

## DEVELOPING INNOVATION IN VIETNAM

### **Summary:**

*Innovation is attracting attention worldwide and in Vietnam. To develop innovation in Vietnam, it is necessary to analyze the domestic demand, determine the innovational relationship between businesses and the national innovation system, identify the orientations of innovation and the central tasks that need to be focused on and establish measures to promote state innovation. These are also issues that need to be discussed to better understand innovation in Vietnam.*

**Keywords:** *Innovation; National Innovation System; Knowledge.*

### **1. Mở đầu**

Trong những năm qua, ở Việt Nam đã có nhiều nỗ lực phát triển sản xuất dựa trên nguồn lực mới (ngoài tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vốn) như: phát triển KH&CN phục vụ sản xuất, ứng dụng thành tựu KH&CN vào sản xuất, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ vào Việt Nam, phát triển kinh tế tri thức, đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Đồng thời, phát triển trong giai đoạn tới tiếp tục đòi hỏi phải nhấn mạnh nguồn lực mới để thực hiện mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước đi đầu.

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: lanchi.hoang.apd@gmail.com

ĐMST chính là giải pháp khai thác và sử dụng nguồn lực mới - nguồn lực tri thức. Đối với Việt Nam, ĐMST có các ý nghĩa vừa là tiếp nối các chủ trương đã có, vừa là giải pháp mới để khắc phục các vướng mắc, bế tắc đang tồn tại, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

## **2. Ý nghĩa của đổi mới sáng tạo ở Việt Nam và nhận dạng đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu của Việt Nam**

Phạm vi của ĐMST khá rộng mở. ĐMST là sử dụng tri thức nhằm tạo ra giá trị kinh tế. Có nhiều loại tri thức khác nhau liên quan tới sản xuất-kinh doanh như: tri thức trực tiếp từ NC&PT, tri thức từ sáng kiến cải tiến kỹ thuật; tri thức tạo ra công nghệ mới và các giải pháp phát triển mới, tri thức hoàn thiện và điều chỉnh các công nghệ, các giải pháp trong quá trình sản xuất-kinh doanh; tri thức từ bên ngoài, tri thức bản địa; tri thức tạo thay đổi mang tính đột phá, tri thức tạo thay đổi mang tính tinh tiến; tri thức về quy trình sản xuất, tri thức về sản phẩm, tri thức về tổ chức, tri thức về thị trường;... Các loại tri thức tạo nên các loại sản xuất kinh doanh dựa trên tri thức và tương ứng là các phạm vi của ĐMST.

Những điều trên cho thấy, có nhiều khả năng khai thác, huy động ĐMST vào phát triển sản xuất-kinh doanh và là các cơ hội mà Việt Nam cần triệt để tận dụng. Các loại ĐMST có thể phát huy vai trò theo những ý đồ nhất định, chẳng hạn: ĐMST dựa vào kết quả nghiên cứu có sẵn từ bên ngoài nhằm khai thác lợi thế của nước đi sau trong bối cảnh tăng cường xu hướng toàn cầu hóa; ĐMST dựa vào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm khai thác tiềm năng sáng tạo của xã hội, khai thác tri thức nảy sinh trong quá trình sản xuất-kinh doanh; ĐMST dựa vào tri thức bản địa nhằm khai thác tiềm năng tri thức vốn có trong nước; ĐMST dựa vào NC&PT trong nước nhằm tạo ra sức cạnh tranh ngang với trình độ thế giới;... Việt Nam chủ trương vừa phát triển tuần tự, vừa phát triển nhảy vọt bắt kịp các nước đi đầu. ĐMST dựa vào kết quả NC&PT bên ngoài, ĐMST dựa vào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và ĐMST dựa vào tri thức bản địa rất sát với phát triển tuần tự; ĐMST dựa vào NC&PT trong nước sát với phát triển nhảy vọt;... Do vậy, thông qua quy mô phát triển tuần tự và phát triển nhảy vọt mà xác định được quy mô phát huy của các loại ĐMST ở nước ta trong giai đoạn tới.

Cần xác định rõ ý nghĩa của ĐMST trên các mặt cơ bản sau:

- ĐMST khai thác bất kỳ tri thức nào cũng hữu ích cho sản xuất-kinh doanh, trong đó có cả những tri thức không thuộc về KH&CN. So với KH&CN, ĐMST đã bổ sung thêm nguồn lực tri thức để phát triển kinh tế;
- ĐMST không phải chỉ nhằm vào những phạm vi đối tượng không có ở KH&CN, mà cả một số phạm vi đối tượng vốn thuộc về KH&CN nhưng

dưới một góc độ khác. Góc độ khác này là theo yêu cầu của quản lý cần có sự phân tách, hoặc đơn giản là nhấn mạnh hơn,... Phân biệt giữa KH&CN và ĐMST dưới góc nhìn khác nhau rất phù hợp với định nghĩa thường được nói tới là “KH&CN là dùng tiền tạo ra tri thức, ĐMST là dùng tri thức tạo ra tiền”. Định hình ĐMST được thể hiện đồng thời với định hình lại KH&CN. ĐMST được hình dung rõ khi giới hạn lại KH&CN. Mối quan hệ giữa KH&CN và sản xuất từng được chú ý với những cách khác nhau mà chung quy là từ phía cung và phía cầu. Do chưa đạt được kỳ vọng nên có thêm một cách mới là ĐMST - có thể coi là thiên về thống nhất cung và cầu. Cũng về quan hệ KH&CN và sản xuất nhưng ĐMST mang lại những điều mới mẻ, điển hình như:

- + Với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: tri thức là kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào sản xuất-kinh doanh và được tiếp tục hoàn thiện trong sản xuất-kinh doanh; kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới quy trình, đổi mới sản phẩm, đổi mới tổ chức và đổi mới thị trường;
  - + Với sáng tạo trong việc sử dụng công nghệ được chuyển giao từ bên ngoài: công nghệ nhập được khai thác dưới dạng tri thức đã tạo điều kiện để sáng tạo trong sử dụng; công nghệ nhập được khai thác dưới dạng tri thức cũng tạo điều kiện để kết hợp với các tri thức bên ngoài có liên quan;... Nhật Bản với bất chước sáng tạo đã thành công trong ĐMST dựa vào tri thức bên ngoài<sup>2</sup>;
  - + Với đổi mới tổ chức, đổi mới thị trường: không chỉ du nhập công nghệ (phục vụ đổi mới quy trình) mà du nhập cả tri thức từ bên ngoài để phục vụ đổi mới tổ chức, đổi mới thị trường,...
- ĐMST mang lại sự phối hợp giữa các phần tri thức thuộc về KH&CN và không thuộc về KH&CN. Cả tri thức thuộc về KH&CN và tri thức không thuộc về KH&CN đều là nguồn lực phát triển sản xuất, là các dạng ĐMST và có thể phối hợp với nhau;
  - Sử dụng tri thức tạo ra giá trị kinh tế có thể được thực hiện một cách tự phát. Từ rất lâu trong lịch sử đã có nhiều sáng tạo sản xuất-kinh doanh diễn ra âm thầm, tích lũy dần dần tạo nên những bước tiến nhỏ nên khó nhận biết và nhiều khi được quy về “phép màu của thời gian”. ĐMST khác hẳn, đó là sử dụng tri thức vào sản xuất-kinh doanh một cách chủ động và tự giác. Tri thức trong ĐMST bao gồm cả về cách thức sử dụng tri thức tạo ra giá trị kinh tế. Thậm chí, bên cạnh đổi mới quy trình, đổi mới sản

---

<sup>2</sup> Hoàng Xuân Long (2001). “Bí quyết thành công trong sự bất chước công nghệ của Nhật Bản”, *Tạp chí Cộng sản*, số 16 - tháng 9/2001.

phẩm, đổi mới tổ chức và đổi mới thị trường, có thể thêm đổi mới quản lý (cả ở vi mô và vĩ mô) để nhấn mạnh tới những thay đổi ít được chú ý.

Ở thế kỷ XIII, Roger Bacon từng nói tới “tri thức là sức mạnh”. Đến thế kỷ XIX, Karl Marx nêu cụ thể hơn với nhận định “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”. Thực tế đòi hỏi cần phát triển hơn nữa mối quan hệ giữa tri thức và KH&CN với sản xuất. ĐMST chính là một bước đáp ứng yêu cầu này. Sức mạnh của tri thức theo cách nói của Bacon, vai trò lực lượng sản xuất trực tiếp theo cách nói của Karl Marx được cụ thể hóa thông qua hoạt động ĐMST.

Đã có nhiều định nghĩa về ĐMST như “ĐMST là sự thay đổi tạo ra những kết quả hoạt động mới của một tổ chức” (*Peter Druker, 1954*); “ĐMST là bất kỳ yếu tố mới nào được đưa đến cho người mua, dù mới hay không so với tổ chức” (*Howar và Sheth, 1969*); “ĐMST là sự phát triển và chấp nhận những ý tưởng mới của doanh nghiệp” (*Damanpour, 1991*); “ĐMST là quá trình chuyển hóa ý tưởng thành sản phẩm mới hoặc sản phẩm hoàn thiện đưa ra thị trường, thành quy trình đưa vào hoạt động hoặc hoàn thiện trong công nghiệp và thương mại, hoặc đưa ra cách tiếp cận mới về dịch vụ xã hội” (*Nelson, 1993*); “ĐMST là việc giới thiệu và áp dụng các sản phẩm, công nghệ, quy trình kinh doanh, mô hình kinh doanh và ý tưởng mới trên thị trường, cũng như việc phát minh ra ý tưởng mới” (*Cirera và Malonay, 2017*);... Tuy nhiên, để hiểu đúng những bản chất vẫn cần bám sát ý nghĩa chung của ĐMST.

Cách trình bày trên thể hiện những điểm khác với một số quan niệm hiện có về ý nghĩa của ĐMST ở Việt Nam.

*Một là*, ĐMST không phải là điều hoàn toàn mới mẻ. Đối với Việt Nam, ĐMST vừa mới lạ, vừa quen thuộc. Coi ĐMST là mới hoàn toàn sẽ làm nảy sinh kỳ vọng quá mức về những gì “chưa từng có”. Ngược lại, nhấn mạnh một phần ĐMST đã hiện diện trước đây (với kết quả mang lại và hạn chế được bộc lộ) sẽ gợi mở cách nhìn nhận thực tế hơn về ĐMST. Đặc biệt, xác định rõ điểm giống và khác giữa ĐMST và KH&CN sẽ giảm bớt những lúng túng, rối loạn do chồng lấn hoặc bỏ trống trong phối hợp chính sách ĐMST và chính sách KH&CN. Thêm chính sách ĐMST là thêm công cụ bổ sung vào chính sách KH&CN để giải quyết các vấn đề đang tồn tại.

*Hai là*, mặc dù là nước đi sau và trình độ KH&CN còn thấp kém, Việt Nam vẫn cần chú ý đến ĐMST dựa vào NC&PT. Quan niệm cho rằng, nước ta chỉ tập trung vào khai thác kết quả nghiên cứu có sẵn từ bên ngoài là một dạng giảm nhẹ ý nghĩa của ĐMST. Loại trừ ĐMST dựa vào NC&PT, chúng ta sẽ không thể thực hiện được mục tiêu rút ngắn khoảng cách tụt hậu với các nước đi đầu và bỏ qua bài học kinh nghiệm của những nước thành công như Nhật

Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... Là những nước đi sau, nhưng Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... đã phát triển mạnh mẽ, tiến gần trình độ của các nước đi đầu nhờ mạnh dạn, khôn khéo và kiên trì tiến hành các ĐMST dựa vào NC&PT<sup>3</sup>.

Ba là, không thể chủ quan đơn giản hóa việc nhập ĐMST từ bên ngoài vào Việt Nam, dù đó là lý luận hay kinh nghiệm của một số nước nhất định. Thực tiễn ở nước ta đã có nhiều ví dụ về hậu quả của đơn giản hóa trong du nhập lý luận và kinh nghiệm bên ngoài dẫn đến hạn chế trong phát huy tác dụng xu thế phát triển mới như công nghiệp hóa, phát triển kinh tế tri thức,... ĐMST không phải là thứ có sẵn đâu đó để áp vào Việt Nam. Thay vì bị động, chúng ta cần thiết và có thể chủ động xác định ĐMST phù hợp với đất nước. Chẳng hạn như ở trên đã chỉ ra những chủ động trong lựa chọn loại ĐMST theo ý đồ, mục tiêu trong nước. Sự chủ động này sẽ được thể hiện rõ hơn trong các giải pháp thúc đẩy ĐMST trình bày ở những phần sau.

### **3. Một số nội dung nổi bật về đổi mới sáng tạo đối với Việt Nam**

#### **3.1. Đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp**

Những gì nói về vai trò của doanh nghiệp trong sản xuất-kinh doanh cũng đúng với vai trò của doanh nghiệp trong ĐMST. Giống như các nguồn lực khác (tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vốn), tri thức chỉ có thể mang lại giá trị kinh tế khi tham gia vào quá trình sản xuất-kinh doanh. Với ĐMST, doanh nghiệp vừa là địa bàn diễn ra hoạt động vừa là chủ thể tổ chức hoạt động nhằm vào những mục tiêu nhất định. Thêm nữa, thay vì trực tiếp tạo ra giá trị kinh tế, tri thức thường phát huy tác dụng thông qua các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp như nguyên liệu, nhân lực, công cụ,... và thông qua các hoạt động của doanh nghiệp trong quy trình sản xuất (đổi mới quy trình), tổ chức (đổi mới tổ chức), tiêu thụ sản phẩm (đổi mới sản phẩm). Theo đó, vai trò của doanh nghiệp đối với ĐMST càng thêm rõ ràng và nổi bật.

Doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh dựa trên ĐMST (gọi tắt là doanh nghiệp ĐMST) phải có những thay đổi so với doanh nghiệp kiểu cũ (sản xuất-kinh doanh dựa vào tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vốn). Doanh nghiệp ĐMST cần các năng lực về ĐMST trên các mặt:

- Năng lực thu hút tri thức phục vụ doanh nghiệp;
- Năng lực đổi mới quy trình;
- Năng lực đổi mới sản phẩm;

---

<sup>3</sup> Hoàng Xuân Long (2014). “Thúc đẩy chu trình nhập - làm chủ - bắt chước - sáng tạo công nghệ”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số 6 năm 2014.

- Năng lực đổi mới tổ chức;
- Năng lực đổi mới thị trường;
- Năng lực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

Mặc dù doanh nghiệp kiểu cũ vẫn có ĐMST, nhưng so với doanh nghiệp ĐMST, năng lực ĐMST của doanh nghiệp kiểu cũ thường thua kém về trình độ và tính đồng bộ, toàn diện các mặt. Muốn chuyển đổi doanh nghiệp kiểu cũ thành doanh nghiệp ĐMST phải xóa bỏ được khác biệt này và đó là một quá trình đầy khó khăn, nan giải.

Cần chú ý khắc phục quan niệm sai lệch về mối quan hệ giữa doanh nghiệp và ĐMST. Một mặt, đề cao khác biệt giữa ĐMST và doanh nghiệp - thậm chí nhấn mạnh tới ĐMST ngoài doanh nghiệp; mặt khác, xem nhẹ khác biệt giữa doanh nghiệp ĐMST và doanh nghiệp kiểu cũ. Đối với doanh nghiệp, ĐMST vừa quen thuộc, vừa mới lạ. Quen thuộc không chỉ bởi ĐMST gắn với sản xuất - vốn là hoạt động của doanh nghiệp, ở một số dạng ĐMST, mức độ ĐMST luôn tồn tại trong doanh nghiệp, mà còn bản thân sản xuất-kinh doanh được doanh nghiệp tiến hành vốn mang tính sáng tạo. ĐMST mới lạ với doanh nghiệp bởi cần các năng lực mới để từ doanh nghiệp kiểu cũ trở thành doanh nghiệp ĐMST. Thực tế đang tồn tại mâu thuẫn một mặt là thiếu ĐMST do hạn chế của doanh nghiệp và mặt khác là thiếu doanh nghiệp ĐMST do yếu kém của ĐMST. Thúc đẩy năng lực ĐMST trong doanh nghiệp chính là chìa khóa để tháo gỡ mâu thuẫn này.

### **3.2. Doanh nghiệp và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia**

Không chỉ giới hạn phạm vi tồn tại ở bên trong từng doanh nghiệp, ĐMST còn mở rộng ra ngoài doanh nghiệp với hệ thống ĐMST quốc gia.

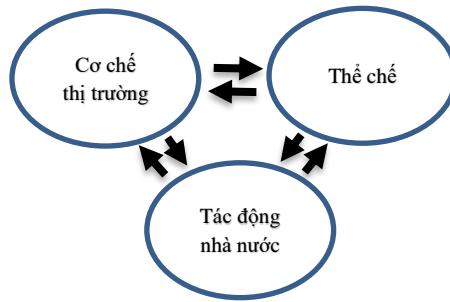
Phạm vi của hệ thống ĐMST quốc gia bao gồm các quan hệ như tri thức từ viện nghiên cứu, trường đại học cho ĐMST, kinh phí từ các tổ chức tín dụng cho ĐMST, ý kiến từ các tổ chức tư vấn cho ĐMST, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm mới từ các tổ chức thương mại, chính sách hỗ trợ cho ĐMST từ các cơ quan nhà nước, phối hợp giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp trong một số hoạt động ĐMST<sup>4</sup>,... Các mối quan hệ cho thấy thành phần đa dạng, phong phú của hệ thống ĐMST quốc gia.

Hệ thống ĐMST quốc gia bao hàm ba cơ chế chi phối ĐMST: cơ chế thị trường, thể chế và tác động của nhà nước. Giữa các cơ chế chi phối có sự độc

---

<sup>4</sup> Những điều này đã được khẳng định trong các định nghĩa như: “Hệ thống ĐMST quốc gia là một nhóm các doanh nghiệp tư nhân, các viện nghiên cứu công và một số người hỗ trợ đổi mới là những người tương tác thúc đẩy việc tạo ra một hoặc một số đổi mới công nghệ trong khuôn khổ các thể chế tạo thuận lợi cho việc phổ biến hoặc áp dụng các đổi mới công nghệ này” (Beije, 1998), “Hệ thống ĐMST quốc gia bao gồm nhiều chủ thể khác nhau trong các bộ phận khác nhau của hệ thống tương tác với nhau để tồn tại và phát triển (Freeman, 1987),...”

lập và cả mối quan hệ tương tác bổ sung nhau (xem Hình 1). Phần hạn chế của cơ chế thị trường có thể được bù đắp bởi tác động can thiệp của nhà nước và ngược lại; phần hạn chế của thể chế có thể bù đắp bởi cơ chế thị trường và ngược lại; phần hạn chế của tác động của nhà nước có thể bù đắp bởi thể chế và ngược lại.



*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

**Hình 1.** Quan hệ tương tác giữa cơ chế thị trường, thể chế và tác động nhà nước

Kết hợp giữa cơ chế thị trường, thể chế và tác động của nhà nước vốn có ở nhiều hệ thống như hệ thống kinh tế, hệ thống KH&CN,... Tuy nhiên, điểm đặc thù của hệ thống ĐMST quốc gia là tính nổi trội của thể chế, trong khi tính nổi trội ở hệ thống kinh tế là cơ chế thị trường, tính nổi trội của hệ thống KH&CN là gắn kết giữa cơ chế thị trường và tác động của nhà nước. Thể chế có tác dụng khắc phục những cản trở nằm ngoài cơ chế thị trường liên quan tới luật lệ, thực thi chính sách,... Chẳng hạn, thiếu tin cậy gây nên cản trở quan hệ giữa các bên, thiếu giá trị chung làm cho quan hệ mang tính hình thức và đối phó, thực thi chính sách kém làm cho chính sách được ban hành không phát huy được tác dụng như kỳ vọng<sup>5</sup>,... Ý nghĩa của thể chế là giảm chi phí giao dịch trong thực hiện ĐMST.

Tính chất quan hệ trong hệ thống ĐMST quốc gia gắn chặt với khía cạnh thể chế. Đó là quan hệ mang tính gắn gũi, quen thuộc, tin cậy; đó là quan hệ tự giác ngoài ép buộc của cơ chế thị trường hoặc ép buộc hành chính.

**Bảng 1.** Khác nhau giữa thể chế và cơ chế thị trường

Cơ chế thị trường	Thể chế
- Định hình rõ ràng	- Thiếu định hình rõ ràng

<sup>5</sup> Điều này đã được khẳng định bởi các nhà kinh tế theo trường phái thể chế mới như: Ronald Coase, Douglass North, Oliver E. Williamson,... Xem thêm Williamson, Oliver E: "The New Institutional Economics: Talking Stock, Looking Ahead" *Journal of Economic Literature*, Vol. 38, Septembe, 2000; North, Douglass C: "Economic Performance through Time" (Nobel Prize Lecture), 1993;...

Cơ chế thị trường	Thể chế
- Lợi ích kinh tế rõ ràng	- Lợi ích kinh tế không rõ ràng
- Ép buộc	- Tự giác
- Định chế kinh tế	- Định chế văn hóa, tập quán
- Can thiệp của nhà nước vào thị trường bằng chính sách	- Thực thi chính sách (thể chế chính thức)
- Chi phí kinh tế nói chung	- Chi phí giao dịch
- Trả lời câu hỏi: sản xuất bao nhiêu, sản xuất cái gì, sản xuất cho ai?	- Trả lời câu hỏi: sản xuất với ai?

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

ĐMST có những đặc điểm liên quan tới thể chế. Thể chế ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực hoạt động, nhưng đặc biệt nổi bật ở ĐMST. Dấu ấn của thể chế rất rõ ở các đặc điểm của ĐMST như rộng mở, thường xuyên, liên tục, nhanh nhạy, có chiều sâu (đề cao tính tự giác),...

Các cơ chế ĐMST là những cơ hội khác nhau thúc đẩy ĐMST. Ứng với mỗi cơ chế, các thành phần có những vai trò nhất định (xem Bảng 2). Đặc biệt, vai trò trung tâm của doanh nghiệp thực ra chỉ được thực hiện trong thể chế thay vì là ở tất cả các cơ chế của hệ thống ĐMST quốc gia.

**Bảng 2.** Vai trò của các thành phần theo các cơ chế trong hệ thống ĐMST quốc gia

<b>Cơ chế chi phối</b> <b>Thành phần</b>	Cơ chế thị trường	Thể chế	Tác động nhà nước
Doanh nghiệp	Chủ thể thành phần	Trung tâm	Đối tượng
Viện nghiên cứu, trường đại học	Chủ thể thành phần	Chủ thể thành phần	Đối tượng
Tổ chức cung cấp nguồn lực (tài chính,...)	Chủ thể thành phần	Chủ thể thành phần	Đối tượng
Tổ chức tư vấn, môi giới	Chủ thể thành phần	Chủ thể thành phần	Đối tượng
Cơ quan nhà nước	Chủ thể thành phần	Chủ thể thành phần	Chủ thể

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Cơ chế thị trường, thể chế và can thiệp của nhà nước là những cơ chế cơ bản trong hệ thống ĐMST quốc gia. Ngoài ra, cũng có thể nhấn mạnh tới một cơ chế chi phối khác là của doanh nghiệp. Vai trò trung tâm của doanh nghiệp



chính là sự chi phối của doanh nghiệp đối với các thành phần khác trong hệ thống ĐMST quốc gia.

Bên cạnh sự khác nhau giữa hệ thống ĐMST quốc gia với hệ thống sản xuất, hệ thống KH&CN, còn có khác nhau bên trong hệ thống ĐMST quốc gia. Nổi bật là những sự khác nhau cần phân biệt theo các loại ĐMST, theo ngành, theo vùng, theo thời gian.

- ĐMST theo các loại tri thức (ĐMST dựa vào NC&PT, ĐMST dựa vào kết quả nghiên cứu có sẵn, ĐMST dựa vào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ĐMST dựa vào tri thức bản địa) có một số khác nhau về thành phần hỗ trợ đầu vào.

Các ĐMST theo khâu sản xuất-kinh doanh (đổi mới quy trình, đổi mới tổ chức, đổi mới sản phẩm và đổi mới thị trường) cũng có sự khác nhau về một số thành phần hỗ trợ ĐMST. Đổi mới quy trình cần hỗ trợ từ thành phần nghiên cứu về KH&CN, đổi mới tổ chức cần hỗ trợ từ thành phần khoa học tổ chức, đổi mới sản phẩm cần hỗ trợ từ thành phần thiết kế sản phẩm, đổi mới thị trường cần hỗ trợ từ thành phần nghiên cứu thị trường và hoạt động thương mại.

Các điểm riêng phân hóa hệ thống ĐMST quốc gia thành những hệ thống khác nhau. Đây là những phân biệt có thể khai thác để chủ động tập trung thúc đẩy các loại ĐMST cụ thể.

- Các yếu tố định vị tạo nên hệ thống ĐMST quốc gia đều có quá trình phát triển, do đó, có sự khác nhau giữa các giai đoạn phát triển của hệ thống ĐMST quốc gia. Các thành phần và mối quan hệ của hệ thống ĐMST quốc gia có các bước thay đổi từ ít thể loại đến nhiều thể loại, từ số lượng (của mỗi thể loại) nhỏ đến lớn. Xét về từng thành phần cụ thể, chuyển từ thành phần của hệ thống kinh tế, hệ thống KH&CN sang thành phần của hệ thống ĐMST quốc gia là khá khó khăn với những thay đổi cơ bản. Tính chất mối quan hệ của hệ thống ĐMST quốc gia có các bước thay đổi từ mức độ chặt chẽ ít đến nhiều. Vai trò của doanh nghiệp có bước thay đổi theo hướng tăng cường mức độ thu hút, chi phối các thành phần khác trong hệ thống ĐMST quốc gia và mở rộng ảnh hưởng theo các loại ĐMST.

Các giai đoạn phát triển hệ thống ĐMST quốc gia khác nhau về cả thành phần, tính chất và vai trò của doanh nghiệp. Không thể bỏ qua các giai đoạn khác nhau, hoặc coi nhẹ sự khác nhau giữa các giai đoạn trong phát triển hệ thống ĐMST quốc gia.

- Có điểm riêng giữa hệ thống ĐMST các ngành và hệ thống ĐMST các vùng:

- + *Về thành phần:* có thể có một số thành phần riêng giữa các hệ thống ĐMST ngành, vùng như bộ máy quản lý nhà nước riêng, tổ chức KH&CN chuyên ngành, tổ chức KH&CN theo địa bàn vùng, tổ chức tín dụng chuyên ngành, tổ chức tín dụng theo địa bàn vùng,... Thậm chí cũng có cả các thành phần khác biệt đặc thù theo ngành, vùng.
- + *Về tính chất mối quan hệ:* có sự gắn kết riêng theo ngành, vùng; cũng có cả một số gắn kết khác nhau theo đặc thù của ngành, vùng. Chẳng hạn những ngành công nghệ tiên tiến, những vùng phát triển kinh tế gắn với công nghệ tiên tiến thường có quan hệ gắn kết liên quan tới ĐMST chặt chẽ hơn.
- + *Về vai trò của doanh nghiệp:* vai trò của doanh nghiệp có thể riêng theo ngành, vùng và có thể có một số đặc thù theo ngành, vùng.

Như vậy, tồn tại hệ thống ĐMST ở phạm vi ngành, vùng. Đồng thời, điểm riêng và khác biệt giữa hệ thống ĐMST các ngành, các vùng không phải là tuyệt đối. Giữa chúng vẫn có nhiều điểm chung và điểm giống nhau để hình thành hệ thống ĐMST ở phạm vi quốc gia.

Những điều vừa nêu giúp tránh một số quan niệm sai lầm.

*Một là,* không nhận thấy rõ hai mối quan hệ thực chất về hệ thống ĐMST quốc gia. Hệ thống ĐMST quốc gia hàm chứa những quan hệ hỗ trợ ĐMST diễn ra ở doanh nghiệp. Có mối quan hệ liên kết chặt chẽ giữa ĐMST - doanh nghiệp - hệ thống ĐMST quốc gia, qua đó dẫn dắt để hiểu đúng về hệ thống ĐMST quốc gia. Mặt khác, hệ thống ĐMST quốc gia gắn với những vấn đề về thể chế, thay vì theo cơ chế thị trường hoặc theo thứ bậc hành chính.

Nắm vững hai mối quan hệ này sẽ khắc phục được những trạng thái cực đoan như tách bạch hệ thống ĐMST quốc gia với doanh nghiệp và hệ thống kinh tế, hệ thống KH&CN, hệ thống hành chính, hoặc không phân biệt giữa hệ thống ĐMST quốc gia với ĐMST và hệ thống kinh tế, hệ thống KH&CN, hệ thống hành chính.

*Hai là,* không nhận thấy rõ những khác biệt bên trong hệ thống ĐMST quốc gia. Sự đa dạng, phong phú bên trong hệ thống ĐMST quốc gia không chỉ thể hiện tính phức tạp mà còn mở ra các cơ hội lựa chọn nội dung phù hợp với Việt Nam. Chính việc bỏ qua khác biệt bên trong hệ thống ĐMST quốc gia là một phần nguyên nhân dẫn tới áp dụng giáo điều mô hình hệ thống ĐMST quốc gia từ nước ngoài và lúng túng khi đi sâu vào các vấn đề cụ thể của hệ thống ĐMST quốc gia.

*Ba là,* không nhận thấy rõ hệ thống ĐMST quốc gia là hình thức tổ chức của ĐMST ở tầm vĩ mô, là khái niệm thiên về phục vụ quản lý hơn là phục vụ nhận thức hiện tượng thực tế (cũng giống như hệ thống kinh tế, hệ thống

KH&CN). Cần chú ý đến các nội dung cơ bản của hệ thống ĐMST quốc gia là các chủ thể hoạt động ĐMST, các cơ chế chi phối, các hệ thống ĐMST ngành và vùng. Có thể tác động thông qua hệ thống ĐMST quốc gia để chủ động thúc đẩy ĐMST, nhưng không phải là tác động vào toàn bộ các phần của hệ thống ĐMST quốc gia. Hệ thống ĐMST quốc gia hàm chứa một phần có thể tác động và một phần không thể hoặc không cần thiết phải tác động. Xác định phần không thể tác động là tiền đề để tập trung vào phần có thể tác động.

Trong hệ thống ĐMST quốc gia, các chủ thể thuộc nhà nước được phân thành hai loại, loại chịu sự chi phối của cơ chế thị trường, thể chế như các đơn vị nhà nước thực hiện dịch vụ công và loại tác động hỗ trợ cho cơ chế thị trường, thể chế như các cơ quan nhà nước xây dựng và thực thi chính sách về ĐMST. Quan niệm đồng nhất tất cả các chủ thể nhà nước sẽ khó phát huy được tác dụng vai trò nhà nước trong hệ thống ĐMST quốc gia.

*Bốn là*, dừng lại ở khác biệt bề mặt sẽ dẫn tới nhận thức mang tính hình thức về hệ thống ĐMST quốc gia và bị động trong áp dụng hệ thống ĐMST quốc gia. Bước chuyển từ bị động sang chủ động áp dụng hệ thống ĐMST quốc gia chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở những nhìn nhận thực chất và có chiều sâu. Có thể xây dựng hệ thống ĐMST quốc gia như là giải pháp cạnh tranh có hiệu quả không chỉ ở góc độ phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam mà còn ở góc độ có những sáng kiến riêng về những đặc điểm chung còn tiềm ẩn chưa được khai thác của hệ thống ĐMST quốc gia.

#### **4. Giải pháp phát triển đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Dựa trên cơ sở tiền đề đã được trình bày ở các phần trước, giải pháp phát triển ĐMST ở Việt Nam giai đoạn tới sẽ được phân tích thông qua những điểm hướng tới, những điều phải làm và tác động can thiệp có thể có từ nhà nước.

##### **4.1. Những điểm hướng tới của đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Cần xác định rõ mô hình ĐMST ở Việt Nam - mà ở đây nói một cách giản đơn là những điểm hướng tới của ĐMST, như là định hướng cho sự phát triển.

ĐMST không chỉ tồn tại dưới dạng hoạt động mà còn dưới dạng tổ chức và hệ thống tổ chức. Doanh nghiệp là chủ thể chính tiến hành ĐMST. Hệ thống ĐMST quốc gia là hệ thống hỗ trợ hoạt động ĐMST bên ngoài doanh nghiệp. Giữa ĐMST, doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia có sự phù hợp về thể loại và trình độ phát triển.

Về cơ bản, ĐMST ở Việt Nam bao gồm các loại ĐMST dựa vào kết quả nghiên cứu có sẵn từ bên ngoài, ĐMST dựa vào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,

ĐMST dựa vào tri thức bản địa, ĐMST dựa vào NC&PT trong nước. Trong đó ĐMST dựa vào kết quả nghiên cứu có sẵn từ bên ngoài là chủ yếu nhất và ĐMST dựa vào NC&PT trong nước còn khiêm tốn so với các ĐMST khác. Định hướng này phù hợp với điều kiện còn hạn chế về nguồn kinh phí, nguồn nhân lực, thông tin, hạ tầng kỹ thuật để tạo ra các công nghệ trong nước và khả năng kết hợp công nghệ nhập từ bên ngoài với các yếu tố bên trong để phát triển đất nước<sup>6,7</sup>.

Doanh nghiệp hoạt động ĐMST ở Việt Nam bao gồm các loại doanh nghiệp dựa vào tri thức gắn với NC&PT, tri thức thuộc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tri thức bản địa, tri thức từ nước ngoài. Trong đó, các doanh nghiệp dựa vào tri thức gắn với NC&PT chỉ chiếm một phần hạn chế và chủ yếu là doanh nghiệp dựa vào tri thức từ nước ngoài. Phần lớn các doanh nghiệp kết hợp giữa ĐMST dựa vào tri thức từ bên ngoài với ĐMST dựa vào tri thức thuộc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong nước và ĐMST dựa vào tri thức bản địa. Ở một khía cạnh phân loại khác, tỷ lệ giảm dần theo chiều doanh nghiệp đổi mới quy trình → doanh nghiệp đổi mới sản phẩm → doanh nghiệp đổi mới tổ chức → doanh nghiệp đổi mới thị trường. Những phần còn hạn chế của doanh nghiệp tiến hành ĐMST chủ yếu là do khó khăn, trở ngại về xây dựng năng lực mới phù hợp với đòi hỏi tiến hành ĐMST.

Hệ thống ĐMST quốc gia ở Việt Nam bao gồm hệ thống ĐMST các ngành, hệ thống ĐMST các vùng, hệ thống ĐMST ứng với giai đoạn phát triển quá độ.

#### **4.2. Xác định nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Đề chủ động tiến tới điểm mốc đề ra, cần xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm phải tiến hành. Có thể xác định nhiệm vụ trọng tâm phát triển ĐMST ở Việt Nam trong thời gian tới thông qua so sánh điểm mốc phải đạt với mức độ phát triển hiện tại, xem xét tổng thể và tìm ra quan hệ bản chất, xác định phạm vi can thiệp của nhà nước.

Phân tích tại Mục 2.1 và Mục 2.2 đã theo trình tự từ hoạt động ĐMST suy ra vai trò của doanh nghiệp ĐMST và hệ thống ĐMST quốc gia. Về giải pháp

<sup>6</sup> Điều này cũng phù hợp với các nhận định chung cho các nước đang phát triển như: “Chắc chắn là sự sản sinh ra các ý tưởng, những kiến thức và thông tin bởi chính các nước đang phát triển có một vai trò quan trọng. Nhưng trong những giai đoạn đầu của quá trình phát triển có thể phải dựa vào sự truyền tải những ý tưởng thông qua thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ” (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (2003). *Tư duy phát triển hiện đại - Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, trang 14); “Các nước đang phát triển, bất kể những bất lợi về thể chế của họ ra sao, đã thâm nhập vào một tài sản lớn: đó là tri thức công nghệ đã được tích lũy trong các nước công nghiệp” (Ngân hàng thế giới, 1998). *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới: Tri thức cho phát triển*. Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, trang 46).

<sup>7</sup> Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi (2022). “Kết hợp công nghệ bên ngoài với các yếu tố bên trong - thành công trong phát triển của các nước đi sau”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số tháng 1/2022.

phát triển thì ngược lại. Thúc đẩy hoạt động ĐMST chủ yếu phải thông qua doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia. Thúc đẩy ĐMST thông qua các giải pháp nhằm vào doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia là phù hợp bởi doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia là những hình thức tổ chức hoạt động ĐMST. Doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia chính là các địa chỉ, chủ thể để tác động. Hơn nữa, thay vì can thiệp trực tiếp, toàn diện vào hoạt động ĐMST, tác động qua đổi mới tổ chức sẽ đảm bảo không loại trừ sự phát triển tự thân vốn có (ở quan hệ bên trong của doanh nghiệp, hệ thống ĐMST quốc gia). Thực ra có thể quy gọn hơn nữa các giải pháp phát triển ĐMST nhằm vào hệ thống ĐMST quốc gia bởi doanh nghiệp cũng là một thành phần của hệ thống này. Tách doanh nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia là để phân biệt hai phạm vi vi mô và vĩ mô trong phát triển ĐMST, và cũng vì doanh nghiệp là một thành phần có vai trò đặc biệt trong hệ thống ĐMST quốc gia.

Một trọng tâm khác là phải vượt qua vòng xoáy luẩn quẩn đang tồn tại. Phát triển ĐMST ở Việt Nam đang bị kìm hãm bởi một số hạn chế là: KH&CN yếu, kinh tế yếu, cơ chế ĐMST yếu (cơ chế thị trường, thể chế, tác động của nhà nước), tổ chức hoạt động ĐMST yếu. Các hạn chế kết nối với nhau tạo nên vòng xoáy là ĐMST yếu → tổ chức hoạt động ĐMST yếu → cơ chế ĐMST yếu → ĐMST yếu → ...

Cả ba cơ chế ĐMST là cơ chế thị trường, thể chế và tác động của nhà nước đều có ý nghĩa phát triển ĐMST và đều đáng được quan tâm ở Việt Nam. Trong đó, tác động của nhà nước cho phép chủ động thay đổi điều kiện hoạt động của ĐMST nhất và là giải pháp được ưu tiên tập trung phân tích.

### **4.3. Biện pháp cơ bản phát triển đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Thúc đẩy phát triển ĐMST được thực hiện bằng nhiều cách, trong đó biện pháp của nhà nước đóng vai trò quan trọng bởi có ảnh hưởng mạnh mẽ, tác động cơ bản vào phát triển ĐMST và đặc biệt là mang tính chủ động cao.

#### **4.3.1. Biện pháp thúc đẩy ĐMST của nhà nước**

ĐMST có thể phát triển dưới tác động của cơ chế thị trường và thể chế. Đây là những sự phát triển tự nhiên, không cần can thiệp của nhà nước. Từ góc độ cơ chế thị trường và thể chế, sẽ rõ hơn về tác động của nhà nước vào ĐMST:

- Các biện pháp nhà nước có giới hạn trong phạm vi nhất định, không thể bao trùm toàn bộ và xóa bỏ phạm vi tồn tại, phát huy của cơ chế thị trường và thể chế;

- Các biện pháp của nhà nước lấy cơ chế thị trường và thể chế làm căn cứ và đối tượng. Biện pháp nhà nước lấy cơ chế thị trường và thể chế làm căn cứ có nghĩa là phải trên cơ sở những hạn chế của cơ chế thị trường và thể chế cần được khắc phục, trên cơ sở khả năng có thể cần thiết của cơ chế thị trường và thể chế mà có các biện pháp can thiệp từ nhà nước. Biện pháp nhà nước lấy cơ chế thị trường và thể chế là đối tượng có nghĩa là phải thông qua cơ chế thị trường và thể chế để tác động vào ĐMST. Đúng hơn là phải thông qua cơ chế thị trường và thể chế để tác động tới các chủ thể hoạt động ĐMST, qua đó ảnh hưởng tới ĐMST.

Tại Mục 3.1 đã chỉ ra một trong những đặc điểm của ĐMST ở Việt Nam là có khoảng cách lớn giữa yêu cầu phải đáp ứng với trạng thái hiện tại. Khoảng cách lớn chỉ có thể khắc phục bằng hệ thống biện pháp can thiệp của nhà nước. Một mặt, can thiệp của nhà nước phải nhằm vào những điểm trọng tâm đã đề cập tại Mục 3.2. Mặt khác, biện pháp nhà nước thúc đẩy ĐMST trong thời gian tới không phải là hoàn toàn mới mẻ. Một số chính sách đã có về hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích sáng kiến của người lao động, ... sẽ tiếp tục phát huy trong thời gian tới. Thêm vào đó cần có những chính sách mới.

Hỗ trợ của nhà nước tập trung vào những đối tượng hội tụ các năng lực đổi mới như doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ của nhà nước không chỉ nhằm vào nâng cao năng lực đổi mới quy trình, đổi mới sản phẩm, đổi mới tổ chức, đổi mới thị trường, ... mà cả nâng cao năng lực chi phối của doanh nghiệp đối với các thành phần khác có liên quan tới ĐMST.

Can thiệp của nhà nước vào doanh nghiệp ĐMST là sự phối hợp giữa hai cơ chế chi phối trong hệ thống ĐMST quốc gia. Nhà nước tác động vào doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm và có ảnh hưởng chi phối phải khác với các thành phần thông thường. Nhà nước có thể thông qua tác động vào doanh nghiệp để ảnh hưởng lan truyền đến các thành phần khác (vốn chịu chi phối của doanh nghiệp); tác động của nhà nước vào doanh nghiệp không được làm triệt tiêu tính chủ động cần có của thành phần đóng vai trò trung tâm; tác động chi phối của nhà nước với các thành phần khác không loại trừ tác động chi phối của doanh nghiệp.

#### *4.3.2. Biện pháp thúc đẩy ĐMST trong mối quan hệ với các biện pháp thúc đẩy KH&CN, kinh tế*

ĐMST cùng tồn tại với KH&CN và kinh tế. Trong doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính, ... hoạt động về ĐMST không loại trừ, thay thế hoạt động về KH&CN và kinh tế. Doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính, ... vừa có hoạt động liên quan tới ĐMST, vừa có hoạt động liên quan tới KH&CN và kinh tế. Ở tầm vĩ mô cũng có thể

thấy hệ thống ĐMST quốc gia cùng tồn tại với hệ thống KH&CN và hệ thống kinh tế. Cơ chế thị trường về ĐMST có mặt bên cạnh cơ chế thị trường về KH&CN và kinh tế, thể chế về ĐMST có mặt bên cạnh thể chế về KH&CN và kinh tế.

Trạng thái cùng tồn tại đã thể hiện tính độc lập và mối quan hệ giữa ĐMST với KH&CN và kinh tế. Điều này có nghĩa là cần chú ý đến hai loại biện pháp thúc đẩy ĐMST: loại thứ nhất mang tính độc lập riêng của ĐMST; loại thứ hai có quan hệ với KH&CN và kinh tế.

Về loại thứ nhất. Không thể phát triển ĐMST bằng cách chuyển đổi từ KH&CN và kinh tế. Không thể phát triển ĐMST trên cơ sở hợp nhất với KH&CN và kinh tế. Do vậy, không thể dựa vào KH&CN và kinh tế để làm tiền đề cần thiết cho phát triển ĐMST. Biện pháp phát triển ĐMST (bao gồm cả hoạt động và cơ chế chi phối) mang tính độc lập có các đặc điểm sau:

- Là những biện pháp trực tiếp vào ĐMST (tạo ra, phát triển) thay vì là biện pháp gián tiếp thông qua tác động vào KH&CN, kinh tế;
- Là các biện pháp trực tiếp nhằm vào các mặt cơ bản: hình thành và phát triển năng lực các loại về ĐMST của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức tài chính,...; hình hành và phát triển cơ chế thị trường về ĐMST, thể chế về ĐMST;
- Khó khăn và hạn chế của biện pháp trực tiếp vào ĐMST là:
  - + Nguồn gốc hình thành ĐMST vốn là vấn đề phức tạp, không dễ nhận biết đầy đủ dẫn đến khó khăn và hạn chế trong xác định biện pháp tác động vào ĐMST. Hình thành và phát triển ĐMST là quá trình tinh vi, mang nặng tính tự nhiên, tự thân và trải qua một thời gian dài;
  - + Tác động trực tiếp tạo ra và phát triển ĐMST thường đòi hỏi nhiều nguồn lực hỗ trợ. Điều này dễ vượt quá khả năng đáp ứng.
- ĐMST không chịu tác động thông qua KH&CN và kinh tế thì sẽ phần nào thuận lợi do tránh việc phải giải quyết những vấn đề của quá trình xóa cũ xong mới tạo dựng mới. Khắc phục, loại bỏ các ràng buộc cũ luôn mất nhiều công sức và thời gian,...

Loại biện pháp nhấn mạnh tới quan hệ giữa ĐMST với KH&CN, kinh tế có các đặc điểm:

- Có các quan hệ đồng bộ giữa ĐMST với KH&CN, kinh tế và chúng đòi hỏi các biện pháp thúc đẩy ĐMST phải đồng bộ với biện pháp thúc đẩy phát triển KH&CN, kinh tế;

- Giữa ĐMST, KH&CN, kinh tế có sự chung nhau về chủ thể hoạt động, về cơ chế chi phối. Hoạt động liên quan tới ĐMST, KH&CN và kinh tế diễn ra trong một doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính,... chung nhau chủ thể. Chi phối ĐMST và KH&CN, kinh tế cùng là cơ chế thị trường và cùng là thể chế. Chung nhau chủ thể hoạt động và chung nhau cơ chế chi phối dẫn tới giống nhau nhất định trong biện pháp thúc đẩy phát triển. Chẳng hạn, biện pháp thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động ĐMST có thể áp dụng một số nội dung của biện pháp thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động KH&CN và biện pháp thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động kinh tế, biện pháp phát triển cơ chế thị trường về ĐMST có thể áp dụng một số nội dung của biện pháp phát triển cơ chế thị trường về KH&CN và biện pháp phát triển cơ chế thị trường về kinh tế,...;
- Có phần chung nhau giữa hoạt động ĐMST với hoạt động KH&CN và hoạt động kinh tế. Phần chung nhau này đòi hỏi tác động của cả biện pháp chung về thúc đẩy ĐMST, KH&CN và kinh tế. Nhằm vào đối tượng hoạt động chung, các biện pháp ở các lĩnh vực khác nhau phải có phần giống nhau;
- Giữa hoạt động ĐMST, hoạt động KH&CN và hoạt động kinh tế có những điểm nối kết nhau. Các điểm nối kết này có ý nghĩa quan trọng đối với từng hoạt động và phối hợp giữa các hoạt động. Các điểm nối cần các biện pháp có nội dung đồng thời phù hợp với các hoạt động có liên quan.

Từ điều kiện riêng của Việt Nam, cũng có thể bổ sung thêm một số nội dung:

- Ở Việt Nam, năng lực liên quan tới KH&CN, kinh tế của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức tài chính,... còn khá thấp; cơ chế thị trường và thể chế trong KH&CN, kinh tế còn nhiều hạn chế. Điều này đòi hỏi phải chú ý nhiều đến loại biện pháp độc lập thúc đẩy ĐMST;
- Hiện tại, ĐMST ở Việt Nam còn chưa phát triển. Mục tiêu phát triển ĐMST trong thời gian tới lại được đặt ở mức khá cao. Để khắc phục khoảng cách to lớn cần tận dụng mọi biện pháp có thể, đặc biệt là kết hợp giữa loại biện pháp mang tính độc lập riêng với ĐMST và loại biện pháp có quan hệ với KH&CN và kinh tế.

#### *4.3.3. Biện pháp về chủ thể hoạt động ĐMST và biện pháp về cơ chế chi phối hoạt động ĐMST*

Tồn tại mâu thuẫn giữa hai mặt cơ bản trong phát triển ĐMST là chủ thể hoạt động đòi hỏi phải có cơ chế chi phối hoạt động làm tiền đề để phát triển và cơ chế chi phối hoạt động đòi hỏi phải có chủ thể hoạt động làm cơ sở phát



triển<sup>8</sup>. Ở đây phải đối mặt với vòng luẩn quẩn giống với câu chuyện con gà có trước hay quả trứng có trước. Sự phát triển tự nhiên, tự phát cũng có thể giải quyết được mâu thuẫn này nhưng phải trải qua khoảng thời gian rất dài. Muốn thúc đẩy phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng, cần tìm ra giải pháp chủ động tháo gỡ mâu thuẫn giữa chủ thể hoạt động và cơ chế chi phối hoạt động.

Định hướng cho việc tháo gỡ mâu thuẫn là chú trọng vào những chủ thể có khả năng thúc đẩy cơ chế chi phối hoạt động. Có thể phân chia các chủ thể hoạt động ĐMST thành ba phần: (1) đang tiến hành hoạt động ĐMST; (2) chưa tiến hành hoạt động ĐMST dù có mong muốn nhưng do năng lực hạn chế; (3) chưa tiến hành hoạt động ĐMST do không mong muốn. Với phần (1), không cần phải có biện pháp can thiệp. Với phần (3), thường phải gắn với tác động từ phía cơ chế hoạt động để tạo ra chuyển biến. Điểm “cửa mở” mà các biện pháp cần tập trung tác động để giải quyết mâu thuẫn nêu trên là phần chủ thể hoạt động thứ (2). Tiếp nữa, trong các chủ thể hoạt động, doanh nghiệp thiên về mặt “cầu” của ĐMST và có vai trò lôi kéo các đơn vị thiên về mặt “cung” của ĐMST. Quan hệ “cung - cầu” ĐMST có đóng góp quan trọng vào phát triển ĐMST nói chung.

Có thể định hình một chuỗi tác động như: thúc đẩy nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp → thúc đẩy năng lực ĐMST của viện, trường, tổ chức tài chính,... → thúc đẩy phát triển cơ chế chi phối hoạt động ĐMST → thúc đẩy tinh thần ĐMST của các chủ thể hoạt động ĐMST → ... Đây là cơ sở để hình thành chuỗi biện pháp can thiệp có tính chủ động cao, đảm bảo hiệu quả cao trong thúc đẩy ĐMST.

Thông qua giải quyết mâu thuẫn giữa chủ thể hoạt động và cơ chế hoạt động có thể hiểu rõ về các biện pháp thúc đẩy ĐMST. Bên cạnh các biện pháp toàn diện và đồng bộ, cần chú ý đến biện pháp trọng tâm. Chủ động thúc đẩy ĐMST được tiến hành theo nhiều vòng ngày càng mở rộng và lan tỏa.

Các biện pháp chủ động thúc đẩy ĐMST được trình bày đã nhằm vào ba quan hệ cơ bản là: quan hệ giữa nhà nước và cơ chế thị trường, thể chế; quan hệ giữa biện pháp nhà nước về ĐMST và biện pháp nhà nước về cơ chế thị trường, thể chế; quan hệ giữa chủ thể hoạt động ĐMST và cơ chế chi phối hoạt động ĐMST. Mặt khác, phát triển ĐMST được thúc đẩy theo chiều dọc (từ nhà nước đến cơ chế thị trường và thể chế), chiều ngang (biện pháp nhà nước về ĐMST đến biện pháp nhà nước về các lĩnh vực KH&CN, kinh tế)

---

<sup>8</sup> ĐMST bao gồm chủ thể, mối quan hệ và cơ chế chi phối. Quan hệ giữa chủ thể và mối quan hệ đã được nói tới nhiều. Ở đây tập trung vào quan hệ giữa chủ thể và cơ chế chi phối không chỉ bởi ít được chú ý mà còn vì tính chất quan trọng của quan hệ này.

và đột phá. Xem vậy, các biện pháp đã phản ánh thực tế là có nhiều cơ hội và cũng là nhiều thách thức trong thúc đẩy phát triển ĐMST ở Việt Nam.

Bài viết này đã chú trọng nhận biết ĐMST ở Việt Nam trên cơ sở hiểu rõ lý luận chung. Nét khác biệt riêng của ĐMST của Việt Nam không chỉ ở đặc thù văn hóa, trình độ phát triển,... mà cả ở những sáng kiến trong khai thác đặc điểm chung. Cái riêng là một khía cạnh của cái chung, là khác biệt trong sáng tạo cái chung. Như vậy sẽ phần nào giúp thoát khỏi lúng túng giữa hai chiều là phát triển Việt Nam theo định hướng chung của thế giới và theo định hướng riêng của mình; giúp thoát khỏi tình trạng nhận thức về ĐMST vừa thiếu rõ ràng về lý luận chung, vừa thiếu bản sắc Việt Nam./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thông tin KH&CN quốc gia (2014). *Khoa học và công nghệ thế giới - Tri thức cho phát triển*. Hà Nội, Nxb Khoa học kỹ thuật.
2. Ngân hàng thế giới (1998). *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới: Tri thức cho phát triển*. Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia.
3. Ngân hàng thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*.
4. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (2003). *Tư duy phát triển hiện đại - Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
5. Ciera, X và W. Maloney (2017). “Nghịch lý đổi mới sáng tạo: Năng lực của quốc gia đang phát triển và kỳ vọng chưa thực hiện về bắt kịp công nghệ”, Ngân hàng Thế giới, Washington, D. C.
6. Hoàng Lan Chi (2018). “Sản xuất dựa trên sáng tạo”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, số 1 năm 2018.
7. Hoàng Lan Chi (2019). “Đổi mới sáng tạo nhìn từ góc độ khoa học và công nghệ”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, số 1 năm 2019.
8. Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi (2019). “Phát triển kinh tế dựa trên khoa học và công nghệ ở Việt Nam”. *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 11(283), tháng 11 năm 2019.
9. Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi (2020). “Những lý luận gắn kết khoa học - công nghệ kinh tế phù hợp với các nước đang phát triển”. *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 5(289), tháng 5 năm 2020.
10. Hoàng Xuân Long, Hoàng Lan Chi (2021). “Doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030”. *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số tháng 3/2021.

11. North, Douglass C (1993). *Economic Performance through Time* (Nobel Prize Lecture).
12. Williamson, Oliver E (2000). “The New Institutional Economics: Taking Stock, Looking Ahead”. *Journal of Economic Literature*, Vol. 38, Septembe, 2000.